TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2026/HS-ST
Ngày 06-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quốc Khánh và bà Lê Thị Vân Hường.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Vũ Nhật Tuân, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị H (**tên gọi khác: không), sinh ngày 07 tháng 8 năm 1992; tại tỉnh Lạng Sơn; nơi thường trú: thôn G, xã N, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở: khu phố D, phường T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: không; trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Hoàng Thị N; chồng: Lao Văn L; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Bình L1** (tên gọi khác: không), sinh ngày 09 tháng 8 năm 1974; tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: 2/52, L, phường G, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Công ty TNHH T2 – khu công nghiệp C, thuộc phường B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: không; trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn N1 và bà Dương Thị T; vợ: không có; con: có 01 con; chưa có; tiền án: ngày 30/7/2007, Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 18/6/2010, chấp hành xong hình phạt tù; chưa chấp hành xong phần dân sự; tiền sự: không; nhân thân: ngày 20/8/1991, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 23/5/1995, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 12/12/1996, chấp hành xong án phạt tù, đã chấp hành xong phần dân sự; ngày 30/7/1999, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền,

thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 26/8/2000, chấp hành xong hình phạt tù, đã chấp hành xong phần dân sự; ngày 27/9/2002, bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm 06 thàng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 13/01/2005, chấp hành xong hình phạt tù, đã chấp hành xong phần dân sự; ngày 18/8/2016, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 01/8/2018 chấp hành xong hình phạt tù, đã chấp hành xong phần dân sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

3. Họ và tên: **Kiềng Thị H1 (**tên gọi khác: không), sinh ngày 06 tháng 6 năm 1986; tại tỉnh Thái Nguyên; nơi thường trú: xóm Đ, xã D, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở: TDP D, phường T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: không; trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Kiềng Văn N2 và bà Vi Thị X; đã ly hôn với anh Đàm Văn L2; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: chị Phạm Thị L3, sinh năm 1972; nơi cư trú: số A B, phường Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

** Người làm chứng:* anh Phạm Ngọc H2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Bình L1 và Kiềng Thị H1 có quan hệ tình cảm, H1 và Nguyễn Thị H quen biết nhau và ở cùng khu trọ tại khu D, phường T, tỉnh Bắc Ninh. H1 biết H có ma túy bán nên giúp L1 mua ma túy của H để bán. L1 mua ma túy của H về sử dụng và bán nhiều lần, cụ thể:

1. Hành vi Nguyễn Thị H bán trái phép ma túy cho Phạm Bình L1.

Phạm Bình L1 sử dụng ma túy loại Methamphetamine, trong thời gian sinh sống và làm việc tại Công ty T2 thuộc khu Công nghiệp C, phường B, tỉnh Quảng Ninh, L1 biết công nhân ở đây có nhiều người sử dụng ma túy đá. Khoảng tháng 11/2025, H1 nói cho L1 biết về việc có bạn là Nguyễn Thị H cũng là người sử dụng ma túy và có ma túy bán. Khoảng đầu tháng 12/2025, L1 nảy sinh ý định mua ma túy về để bán kiếm lời, nên L1 nói với H1 nội dung "*Dưới Quảng Ninh khan hàng không tìm được chỗ mua ma túy, em liên hệ với H mua anh ít đồ về bán cho anh em công nhân*", H1 hiểu là L1 muốn mua ma túy của H, để mang về Quảng Ninh bán cho anh em công nhân trong khu công nghiệp nên H1 trực tiếp liên hệ với H mua ma túy cho L1 và giới thiệu để L1 trực tiếp liên hệ mua ma túy của H, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 14 giờ 10 phút, ngày 05/12/2025, L1 gọi điện thoại qua ứng dụng Zalo cho H1, nhờ liên hệ với H mua 05 gam ma túy đá, H1 đồng ý. H1 gọi điện thoại cho nói với H muốn mua 05 gam ma túy cho L1, H báo giá 3.000.000 đồng, H1 đồng ý và báo giá cho L1 đồng thời gửi số tài khoản ngân hàng của H để L1 chuyển tiền. Sau khi nhận được tiền, H liên lạc với một người tên Q (không xác định

được thông tin nhân thân lai lịch), ở T, Bắc Ninh mua 05 gam ma túy đá với giá 2.500.000 đồng, Q đồng ý. Khoảng 45 phút sau, Quyền điện thoại qua ứng dụng Telegram cho H thông báo ma túy để ở cửa cổng vào khu phòng trọ của H thì H gọi điện thoại cho H1 thông báo về việc ma túy H1 đặt mua cho L1 được bọc trong 01 gói giấy bọc băng dính đen đã để sẵn tại trước cửa khu trọ của H để H1 đến lấy. H1 làm theo chỉ dẫn của H, đến lấy 01 gói giấy bên trong có ma túy đã mang về phòng trọ của H1 và điện thoại thông báo cho L1 biết về việc đã mua được ma túy của H. Chiều cùng ngày, L1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B6-424.66, đến phòng trọ của H1. Tại đây, H1 đưa lại cho L1 túi ma túy đã mua của H trước đó, L1 bóc gói giấy H1 đưa bên trong có 01 túi nilon chứa ma túy đá, rồi xúc một ít ma túy cho H1, rồi L1 đi về Quảng Ninh. Số ma túy L1 cho H1, H1 một mình sử dụng hết.

Khoảng một tuần sau, L1 tiếp tục nhờ H1 liên hệ với H để mua ma túy đã, lần này H1 gọi điện trước cho H, cho Hòa Z của L1 để H và L1 tự liên hệ, mua bán ma túy. Sau đó, L1 liên hệ với H để nói chuyện và hỏi mua ma túy thì Hòa đồng Ý.

Lần thứ hai: Sáng ngày 23/12/2025, L1 điều khiển xe mô tô BKS 17B6-424.66 từ Quảng Ninh đến phòng trọ của H1, khi gặp L1 nói chuyện cho H1 biết về việc đến gặp H để mua ma túy, H1 đồng ý và không phản đối gì. Lúc này, L1 lấy trong người một túi ma túy nhỏ cho H1. Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 23/12/2025, khi L1 và H1 đang ngồi nói chuyện với nhau thì L1 gọi điện qua ứng dụng Z cho H hỏi mua 10 gam ma túy đá, 50 viên ma túy hồng phiến, Hòa đồng Ý rồi gọi điện thoại cho Q hỏi mua số lượng ma túy như nêu trên thì được Quyền báo giá 6.500.000 đồng/10gam ma túy đá và 3.500.000 đồng/50 viên ma túy hồng phiến, hẹn sáng ngày hôm sau mới có ma túy bán cho H. Thống nhất giá mua ma túy với Quyền xong, H báo giá cho L1 tổng số tiền là 12.000.000 đồng, L1 đồng ý, H hẹn L1 đến sáng ngày hôm sau mới có ma túy bán, L1 đồng ý. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 24/12/2025, H gọi điện thoại cho Q bảo mang ma túy đến phòng trọ cho H, khoảng 30 phút sau Q điện thoại cho H thông báo ma túy đã được để ở khe cổng của phòng trọ, H điện thoại cho L1 thông báo đã có ma túy thì L1 bảo H mang ma túy đến phòng trọ của H1 để giao ma túy. Sau đó, H theo chỉ dẫn của Q đến khe cổng phòng trọ lấy được một gói giấy vệ sinh bên ngoài được cuốn bằng dây chun cao su mang đến phòng trọ của H1. Tại đây, H đưa túi ma túy cho L1, L1 cầm gói ma túy mở ra kiểm tra trước mặt H1 và H, thấy bên trong thấy có một túi ma túy đá ước lượng khoảng 10 gam và một túi nilon chứa khoảng 50 viên hồng phiến. Giao ma túy xong thì H ra về, L1 đi về phòng ở tại Công ty T2 thuộc khu Công nghiệp C, phường B, tỉnh Quảng Ninh lấy ra một ít ma túy đá và hồng phiến để sử dụng cho bản thân, số ma túy còn lại L1 cất giấu, chia nhỏ mục đích để bán khi có người hỏi mua.

Hồi 09 giờ 05 phút ngày 29/12/2025, tại đoạn đường trước cửa quán B thuộc tổ A, khu G, phường V, tỉnh Quảng Ninh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an tỉnh Q phối hợp với Công an phường V, tỉnh Quảng Ninh làm nhiệm vụ kiểm tra Phạm Bình L1. Quá trình kiểm tra L1 khai nhận mới sử dụng ma túy đá tại phòng ở tập thể - Công ty TNHH T2 thuộc khu Công nghiệp C, phường B, tỉnh Quảng Ninh vào sáng cùng ngày và đang trên đường điều khiển xe mô tô BKS 17B6-424.66 tiếp tục đi T, tỉnh Bắc Ninh mua ma túy của Nguyễn Thị H nhằm mục đích để bán. Thu giữ của L1 01 bộ sử dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 01 chai thủy tinh một đầu

được đục 2 lỗ, 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 20cm, 01 ống thủy tinh một đầu gắn bầu tròn). Ngoài ra, L1 còn khai cất giấu 02 túi ma tú tại khu vực bãi đất trống lề đường ngã ba phía sau cổng khu công nghiệp C thuộc tổ A, phường B, tỉnh Quảng Ninh, mục đích để bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra cho L1 chỉ vị trí cất giấu ma túy, thu giữ 02 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng, loại ma túy Methamphetamine, tổng khối lượng 1,437 gam (theo Kết luận giám định số 51/KL-KTHS ngày 07/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q). Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Bình L1 tại khu tập thể Công ty T2 thuộc khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh thu giữ 10 vỏ túi nilon có khóa kẹp một đầu.

2. Hành vi Phạm Bình L1, Kiềng Thị H1 bán trái phép chất ma túy.

Sau khi mua được ma túy của H, L1 đã bán ma túy cho nhiều người, nhưng L1 chỉ nhớ đã bán ma túy cho Phạm Ngọc H2, sinh ngày 25/01/1996, nơi cư trú: tổ C, khu G, phường H, tỉnh Quảng Ninh 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28/12/2025, tại quán nước gần Công ty (hay còn gọi là quán nước B), thuộc khu Công nghiệp C, phường B, tỉnh Quảng Ninh, L1 bán cho H2 01 túi ma túy đá với giá 1.800.000 đồng; (H2 chuyển khoản vào tài khoản của L1).

Lần thứ hai: khoảng 22 giờ 47 phút ngày 28/12/2025, tại phòng ở của công nhân trạm cân thuộc Công ty T2 trong khu Công nghiệp C thuộc phường B, tỉnh Quảng Ninh, L1 bán cho H2 01 túi ma túy đá với giá 1.800.000 đồng; (H2 chuyển khoản vào tài khoản của L1).

Ngày 29/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị H và Kiềng Thị H1 tại khu phố D, phường T, tỉnh Bắc Ninh thu giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, bên trong lắp 01 sim số 0368625259, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, bên trong không lắp sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, bên trong không lắp sim, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 chai thủy tinh có nắp đậy bằng thủy tinh được quấn băng dính màu đen, một đầu của nắp được cắm một ống thủy tinh và một đầu của nắp được cắm ống thủy tinh có bầu tròn, tại bầu tròn của nắp có một đầu được gắn ống hút màu hồng); thu giữ của H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, gắn sim thuê bao số 0911.177.525.

Ngày 30/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Bình L1, Nguyễn Thị H, Kiềng Thị H1.

Tại bản kết luận giám định số 52/KL-KTHS ngày 07/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Phạm Bình L1, Nguyễn Thị H, Phạm Ngọc H2; không tìm thấy chất ma túy trong mẫu nước tiểu của Kiềng Thị H1.

Quá trình điều tra Phạm Bình L1, Nguyễn Thị H và Kiềng Thị H1 khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên, ngoài ra còn khai:

Phạm Bình L1 khai: ngày 05/12/2025, L1 cho H1 một ít ma túy, rồi L1 đi về Quảng Ninh ngày 23/12/2025, L1 cho H1 một ít ma túy rồi đi ngủ, cả 2 lần L1 đều không sử

dụng ma túy cùng H1, không biết H1 sử dụng ma túy vào thời điểm nào; 02 lần bán ma túy cho Phạm Ngọc H2 thì L1 đều không biết lượng ma túy là bao nhiêu. Xe mô tô BKS 17B6-424.66, L1 mượn của chị Phạm Thị L3 là chị gái của L1, khi mượn L1 chỉ bảo mượn để làm phương tiện đi lại phục vụ công việc. Số ma túy mua của H, L1 sử dụng và bán cho nhiều người, nhưng chỉ nhớ 02 lần bán cho H2.

Kiều Thị H1 khai: biết L1 cần mua ma túy về để bán, vì có quan hệ tình cảm và được L1 cho ma túy để sử dụng nên H1 đã giúp L1 mua ma túy của H và giới thiệu để L1 trực tiếp liên hệ mua ma túy của H; H1 không được hưởng lợi gì ở H.

Nguyễn Thị H khai: nếu H1 không giới thiệu thì sẽ không biết L1 và sẽ không bán ma túy cho L1. H không trả tiền, không cho H1 ma túy.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Phạm Ngọc H2 khai nhận phù hợp việc mua ma túy của Phạm Bình L1 mục đích để sử dụng và đã sử dụng hết cho bản thân, H2 sử dụng một mình, không sử dụng ma túy cùng ai khác. H2 không thuộc đối tượng nghiện ma túy, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy.

Vật chứng, tài sản trong vụ án: 01 phong bì niêm phong ma túy thu giữ của Phạm Bình L1 hoàn lại sau giám định; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade BKS 17B6-424.66; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 chai thủy tinh một đầu được đục 02 lỗ, 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 20cm, 01 ống thủy tinh một đầu gắn bầu tròn), 10 vỏ túi nilon có khóa kẹp một đầu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng kèm 01 sim thu giữ của Phạm Bình L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, bên trong không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, bên trong không lắp sim; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 chai thủy tinh có nắp đậy bằng thủy tinh được quấn băng dính màu đen, một đầu của nắp được cắm một ống thủy tinh và một đầu của nắp được cắm ống thủy tinh có bầu tròn, tại bầu tròn của nắp có một đầu được gắn ống hút màu hồng), thu giữ của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, kèm 01 sim thu giữ của Kiều Thị H1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh để quản lý theo quy định.

Bản Cáo trạng số: 126/CT-VKSQNH-KV1, ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh truy tố Nguyễn Thị H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Bình L1, Kiều Thị H1, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L3 đề nghị được trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17B6-424.66.

Phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt chính:

- Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Bình L1, Kiềng Thị H1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ: điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị H từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2025.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phạm Bình L1 từ 08 (tám) năm tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2025.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Kiềng Thị H1 từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2025.

* Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 1,34 gam ma túy loại Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 51/KL-KTHS ngày 07/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 01 chai thủy tinh một đầu được đục 2 lỗ, 1 đoạn ống hút nhựa màu trắng dài 20cm, 01 ống thủy tinh một đầu gắn bầu tròn); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 chai thủy tinh có nắp đậy bằng thủy tinh được quấn băng dính màu đen, một đầu của nắp được cắm một ống thủy tinh và một đầu của nắp được cắm ống thủy tinh có bầu tròn, tại bầu tròn của nắp có một đầu được gắn ống hút màu hồng); 10 vỏ túi nilon có khóa kẹp một đầu; 03 sim điện thoại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng thu giữ của Phạm Bình L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh thu giữ của Kiềng Thị H1.

Trả lại cho Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, không gắn sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, không gắn sim.

Trả lại cho chị Phạm Thị L3: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17B6-424.66, số khung: RLHJF617HZ036430, số máy: JF63F2216532.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 15.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Phạm Bình L1 phải nộp số tiền 3.600.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

* Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: xét lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, Biên bản khám xét, phù hợp với vật chứng thu giữ, bản ảnh vật chứng, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 05/12/2025 và ngày 24/12/2025, tại khu vực thuộc khu phố D, phường T, tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Thị H có hành vi 02 lần bán trái phép chất ma túy Methamphetamine cho Phạm Bình L1, tổng số 15 gam Methamphetamine, thu được tổng số tiền là 15.000.000 đồng .

Ngày 28/12/2025, tại khu vực khu Công nghiệp C, phường B, tỉnh Quảng Ninh, Phạm Bình L1 có hành vi 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Phạm Ngọc H2, thu được số tiền 3.600.000 đồng. Ngoài ra, L1 còn có hành vi tàng trữ trái phép 1,437 gam ma túy loại Methamphetamine cũng nhằm mục đích để bán. Kiềng Thị H1 có hành vi giúp sức cho L1 mua ma túy để bán và tàng trữ để bán.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm phạm đến chế độ của Nhà nước về quản lý các chất ma túy.

Do đó, hành vi trái pháp luật như nêu trên của Nguyễn Thị H đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251; hành vi trái pháp luật như nêu trên của Phạm Bình L1, Kiềng Thị H1 đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Bình L1, Kiềng Thị H1 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về vai trò của các bị cáo: bị cáo Kiềng Thị H1 giúp Phạm Bình L1 mua ma túy của Nguyễn Thị H. H1 được L1 cho ma túy để sử dụng, H1 không hưởng lợi gì từ H. Do đó, bị cáo H chịu trách nhiệm hình sự riêng rẽ với bị cáo L1 và bị cáo H1.

Về vai trò của bị cáo L1 và bị cáo H1: đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo H1 giúp bị cáo L1 hỏi mua ma túy, giới thiệu bị cáo L1 cho bị cáo H để bị cáo H tin tưởng bán ma túy cho L1. Nên, bị cáo H1 có vai trò sau bị cáo L1.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiềng Thị H1 đều không có tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Bình L1: ngày 30/7/2007, Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 18/6/2010, chấp hành xong hình phạt tù; về phần dân sự: bị cáo L1 phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Đỗ Thị T1 6.750.000 đồng, bồi thường cho anh Trần Trung C 20.000.000 đồng. Tại Biên bản xác minh tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Hưng Yên thể hiện: đến thời điểm hiện tại (12/4/2026) không có đơn yêu cầu thi hành án của anh Trần Trung C; tại Biên bản xác minh tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, thành phố Hải Phòng thể hiện: Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định thi hành án dân sự số 159/QĐ-THA ngày 31/3/2008 đối với Phạm Bình L1. Kết quả: hiện tại Phạm Bình L1 chưa thi hành khoản bồi thường 6750.000 đồng cho chị Đỗ Thị T1. Căn cứ khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự thì bị cáo L1 thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng khi chưa được xóa án tích. Nên, bị cáo L1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo L1 phạm tội

Ngoài ra, về nhân thân của bị cáo Phạm Bình L1 như được nêu tại Phần lý lịch của bị cáo. Hội đồng xét xử cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo L1.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Bình L1 khi bị lực lượng chức năng kiểm tra, bị cáo L1 đã tự nguyện khai báo hành vi mua ma túy, bán ma túy trước đó mà chưa bị phát hiện, nên bị cáo L1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bà Dương Thị T (là mẹ bị cáo L1): ngày 20/8/1984, được Hội tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba; ngày 07/11/2022, được Đ tặng huy hiệu 55 năm tuổi đảng. Ông Phạm Văn N1 (là bố bị cáo L1) được Hội đồng Nhà nước chứng nhận đã được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, ngày 27/4/1985. Do đó, bị cáo L1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt chính:

Khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Bình L1, Kiềng Thị H1 đã thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ từng bị cáo như nêu trên.

[7] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định: người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo trước khi phạm tội đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng:

Đối với 1,34 gam ma túy loại Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 51/KL-KTHS ngày 07/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 01 chai thủy tinh một đầu được đục 2 lỗ, 1 đoạn ống hút nhựa màu trắng dài 20cm, 01 ống thủy tinh một đầu gắn bầu tròn); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 chai thủy tinh có nắp đậy bằng thủy tinh được quấn băng dính màu đen, một đầu của nắp được cắm một ống thủy tinh và một đầu của nắp được cắm ống thủy tinh có bầu tròn, tại bầu tròn của nắp có một đầu được gắn ống hút màu hồng); 10 vỏ túi nilon có khóa kẹp một đầu đều là vật không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định và số đồ vật nêu trên.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17B6-424.66, số khung: RLHJF617HZ036430, số máy: JF63F2216532, là tài sản hợp pháp thuộc sở hữu của chị Phạm Thị L3. Chị L3 không biết L1 sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi mua ma túy. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại chiếc xe trên cho chị Phạm Thị L3.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, gắn 01 sim thu giữ của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, gắn 01 sim thu giữ của Phạm Bình L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, gắn 01 sim thu giữ của Kiềng Thị H1. Các bị cáo đều sử dụng điện thoại nêu trên vào việc liên lạc mua bán ma túy; các sim điện thoại kèm theo máy là vật không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại di động nêu trên, tịch thu tiêu hủy 03 sim.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, không gắn sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, không gắn sim thu giữ của Nguyễn Thị H, bị cáo H không sử dụng 02 chiếc điện thoại này vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại cho bị cáo H 02 chiếc điện thoại nêu trên.

Số tiền 15.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị H có được do bán trái phép chất ma túy cho Phạm Bình L1 mà có; số tiền 3.600.000 đồng Phạm Bình Lâm có được do bán trái phép chất ma túy cho Phạm Ngọc H2 mà có. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 15.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước, bị cáo Phạm Bình L1 phải nộp 3.600.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được cơ quan điều tra

thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định; tại phiên tòa các bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Kiềng Thị H1 là người dân tộc thiểu số, cư trú tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tại phiên tòa, bị cáo H1 đề nghị được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Kiềng Thị H1.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Bình L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11 Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Liên quan trong vụ án:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Bình L1, Nguyễn Thị H và Phạm Ngọc H2: do L1, H, H2 không thuộc đối tượng quản lý sau cai nghiện, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có văn bản gửi Công an tỉnh Q để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với người bán ma túy cho H, quá trình điều tra không xác minh được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để làm rõ, xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, về hình phạt chính:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Bình L1, Kiềng Thị H1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ: điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2025.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Bình L1 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2025.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Kiềng Thị H1 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2025.

2. Về biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 1,34 gam ma túy loại Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 51/KL-KTHS ngày 07/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 chai thủy tinh một đầu được đục 2 lỗ, 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng dài 20cm, 01 ống thủy tinh một đầu gắn bầu tròn); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 chai thủy tinh có nắp đậy bằng thủy tinh được quấn băng dính màu đen, một đầu của nắp được cắm một ống thủy tinh và một đầu của nắp được cắm ống thủy tinh có bầu tròn, tại bầu tròn của nắp có một đầu được gắn ống hút màu hồng); 10 vỏ túi nilon có khóa kẹp một đầu; 03 sim điện thoại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng thu giữ của Phạm Bình L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh thu giữ của Kiềng Thị H1.

Trả lại cho Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, không gắn sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, không gắn sim.

Trả lại cho chị Phạm Thị L3: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17B6-424.66, số khung: RLHJF617HZ036430, số máy: JF63F2216532.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 177/BB-THA ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Quảng Ninh).

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Phạm Bình L1 phải nộp số tiền 3.600.000 (ba triệu, sáu trăm nghìn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Bình L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Kiềng Thị H1.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Bình L1, Kiềng Thị H1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L3 có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ chị Phạm Thị L3 trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh QN;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh QN;
- Phòng CSTHA và HTTP CA tỉnh QN;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Trại tạm giam CA tỉnh QN;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An